

bảo đảm việc tuân thủ pháp luật và các quy định của Nhà nước về an ninh, an toàn dầu khí.

Điều 29. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng nhà nước về việc tuân thủ pháp luật bảo vệ an ninh, an toàn dầu khí và pháp luật có liên quan về thanh tra, kiểm tra.

Điều 30. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ an ninh, an toàn dầu khí hoặc có công phát hiện, ngăn chặn những hành vi vi phạm an ninh, an toàn dầu khí; hạn chế những thiệt hại về người, tài sản và công trình dầu khí, được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân vi phạm Nghị định này và các quy định khác có liên quan đến việc bảo vệ an ninh, an toàn dầu khí thì tùy theo tính chất, mức độ mà áp dụng các hình thức xử phạt hành chính. Cá nhân vi phạm có hành vi cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình.

Điều 32. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 11/2002/ND-CP ngày 22/1/2002 về việc quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh các loài động vật, thực vật hoang dã.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 12 tháng 8 năm 1991;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản ngày 25 tháng 4 năm 1989;

Căn cứ Pháp lệnh về ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế ngày 20 tháng 8 năm 1998;

Căn cứ Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CONVENTION ON INTERNATIONAL TRADE IN ENDANGERED SPECIES OF WILD FAUNA AND FLORA - viết tắt là CITES);

Để bảo tồn và thực hiện thương mại bền vững đối với các loài động vật, thực vật hoang dã phù hợp quy định của Công ước CITES và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định chi tiết việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập

nội từ biển mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã theo quy định của Công ước CITES và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Loài*: bao gồm một loài hoặc một loài phụ hay một quần thể động vật, thực vật cách biệt về mặt địa lý.

2. *Loài lai*: là kết quả của việc giao phối hay cấy ghép hai loài hoặc hai loài phụ động vật hay thực vật với nhau.

3. *Loài quý hiếm*: là những loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong danh mục của Nghị định số 18/HDBT ngày 17 tháng 1 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và những văn bản pháp luật khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. *Động vật hoang dã thông thường*: là những loài động vật chỉ bao gồm các loài côn trùng, bò sát, lưỡng cư, chim, thú không được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES, Nghị định số 18/HDBT ngày 17 tháng 1 năm 1992 và không bị quy định cấm hoặc hạn chế khai thác, sử dụng trong các văn bản pháp luật khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. *Mẫu vật*: là động vật, thực vật hoang dã còn sống hay đã chết hoặc một bộ phận hay dẫn xuất của chúng hoặc các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật, thực vật hoang dã.

6. *Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển các loài động vật, thực vật hoang dã vì mục đích thương mại*: là việc đưa mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã qua biên giới hoặc lãnh hải nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vì mục đích thu lợi dưới dạng tiền mặt, hàng hoá, trao đổi, cung cấp dịch vụ, các dạng sử dụng khác hoặc lợi ích kinh tế khác.

7. *Xuất khẩu mẫu vật*: là việc đưa mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

8. *Tái xuất khẩu mẫu vật*: là việc xuất khẩu mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã trước đây đã được nhập khẩu hợp pháp vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

9. *Nhập khẩu mẫu vật*: là việc đưa mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

10. *Nhập nội từ biển*: là việc đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mẫu vật của các loài được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES được khai thác từ vùng biển không thuộc quyền tài phán của bất kỳ quốc gia nào.

11. *Vận chuyển quá cảnh*: là việc vận chuyển hay chuyển tải mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã đặt dưới sự kiểm soát của hải quan qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến một nước thứ ba.

12. *Cảng xuất khẩu, cảng nhập khẩu*: là cảng hàng không, cảng biển hay cửa khẩu đường bộ, đường sắt của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được chỉ định để xuất khẩu hoặc nhập khẩu mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã.

13. *Môi trường có kiểm soát*: là môi trường có sự quản lý của con người nhằm mục đích tạo ra những loài thuần chủng hoặc tạo ra những cây lai, con lai có chọn lọc. Môi trường phải có ranh giới rõ ràng để ngăn ngừa sự xâm nhập hoặc phát tán của động vật, trứng hay giao tử ra ngoài hoặc vào trong môi trường được quản lý.

14. *Trại nuôi sinh sản*: là nơi nuôi giữ các loài động vật hoang dã có nguồn gốc hợp pháp từ thiên nhiên để lấy sản phẩm được sinh ra trong môi trường có kiểm soát.

15. *Cơ sở trồng cây nhân tạo*: là nơi trồng, cấy từ hạt, hợp tử, mầm hoặc ghép cành hay các cách nhân giống khác trong môi trường có kiểm soát các loài thực vật hoang dã được khai thác hợp pháp từ tự nhiên.

16. Thế hệ F0, F1, F2:

a) F0 là động vật sống, trứng hay giao tử được khai thác từ thiên nhiên hoặc là con sinh ra trong môi trường có kiểm soát nhưng là kết quả của việc giao phối trong tự nhiên;

b) F1 là kết quả sinh sản của các cá thể bị bắt ngoài tự nhiên (F0) được nuôi trong môi trường có kiểm soát. Kết quả sinh sản của một cá thể (F) bất kỳ phối giống với một cá thể F0 trong môi trường có kiểm soát được coi là (F1);

c) F2 là kết quả của việc sinh sản của cặp bố - mẹ (F1) được nuôi và giao phối trong môi trường có kiểm soát.

17. Phụ lục của Công ước CITES bao gồm:

a) Phụ lục I: là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã bị đe dọa tuyệt chủng và bị nghiêm cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển vì mục đích thương mại;

b) Phụ lục II: là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã hiện chưa bị đe dọa tuyệt chủng, nhưng có thể dẫn đến tuyệt chủng nếu như việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển vì mục đích thương mại những loài này không được kiểm soát;

c) Phụ lục III: là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã mà một quốc gia thành viên thực hiện kiểm soát việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển yêu cầu các quốc gia thành viên khác hợp tác để kiểm soát việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu vì mục đích thương mại.

Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong Phụ lục I, II Công ước CITES có thể được sửa đổi thông qua Hội nghị các nước thành viên hai năm họp một lần.

18. Tài sản cá nhân: là những mẫu vật thuộc sở hữu cá nhân, được sử dụng không vì mục đích thương mại. Mẫu vật của các loài được khai thác bất hợp pháp mà pháp luật Việt Nam nghiêm cấm khai thác, sử dụng thì không được coi là tài sản cá nhân.

19. Mẫu vật tiền công ước: là mẫu vật được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES có được một cách hợp pháp trước ngày 20 tháng 4 năm 1994 là ngày nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gia nhập Công ước CITES. Mẫu vật tiền Công ước phải đăng ký với Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam.

20. Quốc gia thành viên: là quốc gia mà Công ước CITES đã có hiệu lực tại quốc gia đó.

21. Quốc gia không là thành viên: là quốc gia mà Công ước CITES chưa có hiệu lực tại quốc gia đó.

Chương II

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU MẪU VẬT CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CÁC PHỤ LỤC CỦA CÔNG ƯỚC CITES

Điều 3.

1. Cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển vì mục đích thương mại mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong Phụ lục I của Công ước CITES.

2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong Phụ lục I của Công ước CITES chỉ được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Không vì mục đích thương mại;

b) Phù hợp với pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) Có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp.

3. Việc cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong Phụ lục I của Công ước CITES và điểm c

khoản 2 Điều này được thực hiện khi đáp ứng đủ những điều kiện sau:

a) Xuất khẩu:

- Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam tư vấn rằng việc xuất khẩu không ảnh hưởng đến sự tồn tại bền vững của loài đó trong thiên nhiên;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam công nhận giấy phép nhập khẩu các mẫu vật đó do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES nước nhập khẩu cấp trước đó;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thừa nhận mẫu vật đó được khai thác hợp pháp theo luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xác nhận việc vận chuyển mẫu vật sống phải được chuẩn bị tốt để bảo đảm giảm tối đa những nguy hiểm, thương tích đối với mẫu vật.

b) Nhập khẩu:

- Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam thừa nhận mẫu vật được nhập khẩu vào Việt Nam không ảnh hưởng đến sự tồn tại bền vững của loài đó và các loài khác hiện có trong thiên nhiên;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thừa nhận những mẫu vật được nhập khẩu vào Việt Nam theo đúng các quy định của Công ước CITES;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thừa nhận những mẫu vật đó không được sử dụng vì mục đích thương mại;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xác nhận tổ chức, cá nhân nhận mẫu vật có đủ điều kiện về chuồng trại và các điều kiện khác để giữ và chăm sóc mẫu vật sống.

c) Tái xuất khẩu:

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt

Nam công nhận mẫu vật đó đã được nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xác nhận việc vận chuyển mẫu vật sống phải được chuẩn bị tốt để bảo đảm giảm tối đa những nguy hiểm, thương tích đối với mẫu vật.

d) Nhập nội từ biển:

- Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam thừa nhận mẫu vật được nhập nội vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không ảnh hưởng đến sự tồn tại bền vững của loài đó và các loài khác hiện có trong thiên nhiên;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xác định những mẫu vật đó không được sử dụng vì mục đích thương mại.

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xác nhận tổ chức, cá nhân nhận mẫu vật có đủ điều kiện về chuồng trại và các điều kiện khác để giữ và chăm sóc mẫu vật sống.

Điều 4.

1. Việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong Phụ lục II của Công ước CITES chỉ được thực hiện khi có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp.

2. Việc cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định Phụ lục II của Công ước CITES và khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện khi đáp ứng đủ những điều kiện sau:

a) Xuất khẩu:

- Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam tư vấn rằng việc xuất khẩu không ảnh hưởng đến sự tồn tại bền vững của loài đó trong thiên nhiên;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thừa nhận mẫu vật được khai thác hợp pháp theo luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xác nhận việc vận chuyển mẫu vật sống phải được chuẩn bị tốt để bảo đảm giảm tối đa những nguy hiểm, thương tích đối với mẫu vật.

b) Nhập khẩu:

- Có giấy phép xuất khẩu của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES của nước xuất khẩu cấp;

- Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam tư vấn rằng việc nhập khẩu các loài này vào Việt Nam không ảnh hưởng đến sự tồn tại bền vững của loài đó và các loài khác hiện có trong thiên nhiên;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xác nhận việc vận chuyển mẫu vật sống phải được chuẩn bị tốt để bảo đảm giảm tối đa những nguy hiểm, thương tích đối với mẫu vật.

c) Tái xuất khẩu:

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thừa nhận mẫu vật được nhập khẩu vào Việt Nam theo đúng các quy định của Công ước CITES và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xác nhận việc vận chuyển mẫu vật sống phải được chuẩn bị tốt để bảo đảm giảm tối đa những nguy hiểm, gây thương tích đối với mẫu vật.

d) Nhập nội từ biển:

- Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam tư vấn rằng việc nhập nội không ảnh hưởng đến sự tồn tại bền vững của các loài đó và các loài khác hiện có trong thiên nhiên;

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xác nhận việc vận chuyển mẫu vật sống phải được chuẩn bị tốt để bảo đảm giảm tối đa những nguy hiểm, thương tích đối với mẫu vật.

Điều 5.

1. Việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã, được quy định trong Phụ lục III của Công ước CITES do Việt Nam đề xuất chỉ được thực hiện khi có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp hoặc có giấy chứng chỉ do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp nếu là loài không do Việt Nam đề xuất vào Phụ lục III.

2. Việc cấp giấy phép, giấy chứng chỉ xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong Phụ lục III của Công ước CITES và khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện khi đáp ứng đủ những điều kiện sau:

a) Xuất khẩu:

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thừa nhận mẫu vật đó được khai thác hợp pháp theo luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xác nhận việc vận chuyển mẫu vật sống phải được chuẩn bị tốt để bảo đảm giảm tối đa những nguy hiểm, thương tích đối với mẫu vật.

b) Nhập khẩu:

- Có giấy phép xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES của nước xuất khẩu cấp nếu xuất khẩu từ nước đã đề nghị đưa loài đó vào Phụ lục III của Công ước CITES hoặc giấy chứng chỉ, chứng nhận nguồn gốc nếu xuất khẩu từ nước không đề nghị đưa loài đó vào Phụ lục III của Công ước CITES.

- Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam tư vấn rằng việc nhập khẩu các loài này vào Việt Nam không ảnh hưởng đến sự tồn tại bền vững của loài đó và các loài khác hiện có trong thiên nhiên.

c) Tái xuất khẩu: Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thừa nhận mẫu vật đó đã được nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam.

Chương III

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU MẪU VẬT CỦA
CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG
DÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CÁC PHỤ
LỤC CỦA CÔNG ƯỚC CITES CÓ NGUỒN
GỐC DO NUÔI SINH SẢN HOẶC
TRỒNG CÂY NHÂN TẠO

Điều 6.

1. Việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES có nguồn gốc gây nuôi sinh sản hoặc trồng cấy nhân tạo chỉ được thực hiện khi có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp.

2. Được phép xuất khẩu, nhập khẩu vì mục đích thương mại mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong Phụ lục I của Công ước CITES có nguồn gốc gây nuôi sinh sản hoặc trồng cấy nhân tạo từ thế hệ (F2) tại các trại nuôi sinh sản hoặc cơ sở trồng cấy nhân tạo.

3. Trong hoạt động gây nuôi sinh sản hoặc hoạt động trồng cấy nhân tạo các loài được quy định trong Phụ lục I của Công ước CITES, các tập đoàn giống bố, mẹ phải có xác nhận và phải được quản lý để duy trì lâu dài khả năng tạo ra thế hệ liên tiếp.

4. Trại nuôi sinh sản hoặc cơ sở trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật được quy định trong Phụ lục I của Công ước CITES phải đăng ký với Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam.

Điều 7.

1. Được phép xuất khẩu, nhập khẩu mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong Phụ lục II, III của Công ước CITES có nguồn gốc gây nuôi sinh sản hoặc trồng cấy nhân tạo từ thế hệ F1 tại các trại nuôi sinh sản hoặc cơ sở trồng cấy nhân tạo.

2. Trại nuôi sinh sản và cơ sở trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật được quy định trong Phụ lục II, III của Công ước CITES phải đăng ký với cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh được cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam ủy quyền.

Chương IV

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU MẪU VẬT CỦA
CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG
DÃ QUÝ, HIẾM THEO QUY ĐỊNH CỦA
PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Điều 8.

1. Cấm xuất khẩu vì mục đích thương mại mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã quý, hiếm được pháp luật Việt Nam quy định là nghiêm cấm khai thác, sử dụng mặc dù không được quy định trong Phụ lục I của Công ước CITES. Trong trường hợp cụ thể, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định việc xuất khẩu không vì mục đích thương mại mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã quý, hiếm quy định tại khoản này.

2. Được phép xuất khẩu mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã quý, hiếm nói tại khoản 1 Điều này, có nguồn gốc gây nuôi sinh sản hoặc trồng cấy nhân tạo từ thế hệ F2 tại các trại nuôi sinh sản hoặc cơ sở trồng cấy nhân tạo đã đăng ký với Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam.

Điều 9. Mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã quý, hiếm là đối tượng hạn chế khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà không được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES, khi xuất khẩu, nhập khẩu phải có giấy chứng chỉ xuất khẩu hoặc giấy chứng chỉ nhập khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp.

Điều 10. Mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã có ở Việt Nam, mà pháp luật Việt Nam cho phép khai thác, sử dụng, hoặc hạn chế

khai thác, sử dụng nhưng được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES khi xuất khẩu phải tuân theo các quy định của Công ước CITES.

Chương V

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU MẪU VẬT CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ THÔNG THƯỜNG

Điều 11.

1. Việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật của các loài động vật hoang dã thông thường có nguồn gốc khai thác hợp pháp chỉ được thực hiện nếu có giấy chứng chỉ xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp.

2. Việc cấp giấy chứng chỉ xuất khẩu, nhập khẩu và tái xuất khẩu mẫu vật của các loài động vật hoang dã thông thường quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện khi đáp ứng đủ những điều kiện sau:

a) Xuất khẩu:

- Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam tư vấn rằng việc xuất khẩu không ảnh hưởng đến sự tồn tại bền vững của những loài đó trong thiên nhiên.

- Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thừa nhận mẫu vật được khai thác hợp pháp theo luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Nhập khẩu: Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam tư vấn rằng việc nhập các mẫu vật này không ảnh hưởng tới sự tồn tại bền vững của loài đó và các loài khác hiện có trong thiên nhiên;

c) Tái xuất khẩu: Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thừa nhận những mẫu vật đó được nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam.

Điều 12. Việc xuất khẩu mẫu vật của các loài

động vật hoang dã thông thường có nguồn gốc gây nuôi sinh sản tại các trại nuôi sinh sản đã đăng ký với Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh được khuyến khích và không hạn chế số lượng.

Chương VI

CƠ QUAN THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CITES VIỆT NAM

Điều 13. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Đại diện cho Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia Hội nghị các nước thành viên.

2. Quan hệ với Ban thư ký CITES, các nước thành viên, các Tổ chức quốc tế để tổ chức thực hiện Công ước CITES tại Việt Nam.

3. Báo cáo thường kỳ hàng năm và báo cáo định kỳ 2 năm về việc thực hiện Công ước theo quy định của Công ước CITES, gửi cho các cơ quan có liên quan của Việt Nam và Ban Thư ký CITES.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan để thực thi Công ước CITES tại Việt Nam, bao gồm các công việc sau đây:

a) Soạn thảo để trình Chính phủ hoặc các Bộ, ngành hữu quan ban hành theo thẩm quyền các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu động vật, thực vật hoang dã;

b) Biên soạn các tài liệu tuyên truyền nâng cao nhận thức về Công ước CITES cho cộng đồng;

c) Tham khảo ý kiến các cơ quan hữu quan trong việc chỉ định hoặc thay đổi các cảng xuất khẩu, cảng nhập khẩu các loài động vật, thực vật hoang dã theo quy định của Công ước CITES;

d) Thực hiện thanh tra việc xuất khẩu, nhập khẩu mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang

dã tại các cửa khẩu đường bộ, đường sắt, cảng biển và cảng hàng không;

đ) Định kỳ công bố danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES được bổ sung sau Hội nghị các nước thành viên 2 năm họp một lần;

e) Xem xét, cấp và thu hồi giấy phép, giấy chứng chỉ xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu hoặc nhập nội từ biển mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã theo quy định hiện hành và thu lệ phí cấp phép. Phối hợp cùng Bộ Thủy sản trong việc xét, cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu hoặc nhập nội từ biển mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã sống ở môi trường nước được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES;

g) Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam sẽ đánh dấu mẫu vật được phép xuất khẩu, nhập khẩu;

h) Hướng dẫn, giám sát, thanh tra và kiểm tra các trại nuôi sinh sản động vật và cơ sở trồng cây nhân tạo thực vật vì mục đích thương mại;

i) Ủy quyền cho cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh thực hiện việc đăng ký trại nuôi sinh sản và cơ sở trồng cây nhân tạo đối với các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong Phụ lục II, III của Công ước CITES và các loài động vật hoang dã thông thường;

k) Tiến hành làm thủ tục đăng ký với Ban thư ký CITES quốc tế các trại nuôi sinh sản và cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I của Công ước CITES đủ điều kiện do Công ước quy định và trình hạn mức xuất khẩu của các trại đó;

l) Xây dựng 3 Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã ở 3 miền Bắc, Trung, Nam tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh;

m) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng kiểm lâm, công an, hải quan, biên phòng, thuế, quản lý thị trường, thanh tra chuyên ngành bảo vệ thực vật, thanh tra chuyên

ngành thú y để phối hợp thanh tra, kiểm tra việc xuất khẩu, nhập khẩu động vật, thực vật hoang dã theo đúng quy định của Công ước CITES và pháp luật Việt Nam;

n) Thành lập Văn phòng CITES Việt Nam tại Cục Kiểm lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Văn phòng có chức năng thường trực cho Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam.

5. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam:

a) Phối hợp với Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam đề nghị sửa đổi danh mục các loài động vật, thực vật quý hiếm của Việt Nam để đưa vào các Phụ lục của Công ước CITES;

b) Cùng với Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam xác định hạn mức xuất khẩu hàng năm cho các trại nuôi sinh sản hoặc cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã đã được đăng ký;

c) Xây dựng chi tiết quy định tiêu chuẩn kỹ thuật các trại nuôi sinh sản và cơ sở trồng cây nhân tạo, quy định việc đánh dấu mẫu vật, quy định về vận chuyển động vật sống.

Chương VII

CƠ QUAN THẨM QUYỀN KHOA HỌC CITES VIỆT NAM

Điều 14. Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia và Trung tâm nghiên cứu tài nguyên và môi trường thuộc Đại học quốc gia Hà Nội là hai Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ sau:

1. Tư vấn về khoa học cho Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam về:

a) Thực trạng phân bố, mức độ quý hiếm, nguy cơ tuyệt chủng của các loài động vật, thực vật

hoang dã cũng như mức độ đe dọa sự tồn tại của chúng trong thiên nhiên để đề xuất số lượng cho phép xuất khẩu hàng năm vì mục đích thương mại;

b) Quy định điều kiện vận chuyển động vật sống;

c) Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật của các trại nuôi sinh sản và cơ sở trồng cấy nhân tạo;

d) Việc cấp giấy phép, cấp giấy chứng chỉ xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển mẫu vật của các loài được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES;

đ) Xác định mẫu vật, định loại mẫu vật, thuật ngữ khoa học;

e) Việc xây dựng Trung tâm cứu hộ và chọn sinh cảnh thả các loài động vật hoang dã bị thu giữ trong quá trình kiểm tra, kiểm soát;

g) Điều kiện chuồng trại và các điều kiện chăm sóc những mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES để được phép nhập khẩu hay nhập nội từ biển.

2. Tham dự các cuộc họp do Ban Thư ký CITES mời.

3. Soạn thảo các tài liệu khoa học và chuẩn bị các đề xuất cùng Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam gửi Ban thư ký CITES để bổ sung hoặc chuyển hạng các loài trong Phụ lục I, II của Công ước CITES tại Hội nghị của các nước thành viên. Chuẩn bị các tài liệu khoa học để Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam gửi Ban thư ký CITES về việc đưa một loài nào đó vào Phụ lục III hoặc đề nghị rút một loài nào đó ra khỏi Phụ lục III của Công ước CITES khi thấy cần thiết.

4. Xây dựng và in ấn các tài liệu về nhận dạng các loài động vật, thực vật hoang dã của Việt Nam được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES.

Chương VIII

CẤP GIẤY PHÉP, GIẤY CHỨNG CHỈ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Điều 15. Việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã chỉ được thực hiện khi có giấy phép hoặc chứng chỉ xuất khẩu, nhập khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp.

Điều 16. Mỗi lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu phải có riêng một bản gốc giấy phép hay bản gốc giấy chứng chỉ kèm theo. Phải xuất trình giấy phép, giấy chứng chỉ khi xuất khẩu, nhập khẩu mẫu vật hoặc khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 17.

1. Giấy phép và giấy chứng chỉ phải có đầy đủ các thông tin về mẫu vật được phép xuất khẩu, nhập khẩu. Trên giấy phép CITES phải dán tem CITES có ký hiệu riêng cho Việt Nam do Ban thư ký CITES cấp.

2. Giấy phép CITES được in theo mẫu thống nhất và chỉ áp dụng đối với các loài được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES. Trong trường hợp mẫu vật của các loài động vật, thực vật không thuộc các Phụ lục của Công ước CITES được cấp giấy chứng chỉ do Việt Nam quy định.

3. Mẫu giấy phép CITES, mẫu giấy chứng chỉ, chữ ký của người được chỉ định ký trên giấy phép và dấu đóng trên giấy phép được đăng ký để Ban thư ký CITES thông báo cho tất cả các nước thành viên.

4. Giấy phép và giấy chứng chỉ xuất khẩu, tái xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp có thời hạn hiệu lực tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày cấp và thời hạn không quá 1 năm đối với giấy phép, giấy chứng chỉ nhập khẩu.

5. Giấy phép, giấy chứng chỉ đã được cấp không

còn giá trị khi bị sửa chữa, tẩy xóa, quá hạn, sang nhượng, là bản sao hoặc không do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp. Các giấy phép, giấy chứng chỉ cấp không phù hợp với quy định của pháp luật tại nước xuất khẩu, nhập khẩu thì không có giá trị tại Việt Nam.

Điều 18.

1. Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có giấy phép đăng ký kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu mặt hàng động vật, thực vật hoang dã do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Có mã số thuế xuất khẩu, nhập khẩu đã được đăng ký với cơ quan hải quan;

c) Có bản gốc hợp đồng giao kết giữa tổ chức, cá nhân trong nước với tổ chức, cá nhân nước ngoài;

d) Giấy chứng nhận động vật, thực vật hoang dã có nguồn gốc gây nuôi, nhân giống nhân tạo hoặc giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật;

đ) Biên bản kiểm tra số lượng động vật sinh sản tại trại nuôi, số lượng thực vật được gây trồng trong các cơ sở trồng cấy nhân tạo hoặc biên bản xác nhận về số lượng và chủng loại theo giấy phép khai thác do cơ quan có thẩm quyền tại địa phương cấp;

e) Trình bản gốc biên lai thu thuế tài nguyên (đối với các loài động vật, thực vật hoang dã khai thác từ tự nhiên);

g) Trong trường hợp không phải là đơn vị được cấp giấy phép khai thác trực tiếp phải trình bản gốc hợp đồng giao kết giữa tổ chức, cá nhân trong nước với nhau.

2. Tổ chức, cá nhân khi tham gia xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã không vì mục đích thương mại phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của lô hàng.

3. Việc vận chuyển mẫu vật sống phải phù hợp với những quy định hiện hành về vận chuyển của Hiệp hội hàng không quốc tế và các quy định về vận tải của Công ước CITES.

Điều 19. Thủ tục cấp phép được quy định như sau:

1. Hồ sơ yêu cầu cấp phép bao gồm:

a) Đơn yêu cầu cấp giấy phép gửi Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam theo mẫu thống nhất;

b) Các giấy tờ hợp lệ của lô hàng theo quy định tại Điều 18. Chủ lô hàng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp của các giấy tờ đó.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp giấy phép, Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thực hiện việc cấp giấy phép. Trong trường hợp từ chối phải gửi văn bản thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân gửi đơn yêu cầu cấp giấy phép.

Điều 20.

1. Được phép xuất khẩu, nhập khẩu và tái xuất khẩu mẫu vật của các loài động vật, thực vật được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES từ Việt Nam đến một nước không phải là thành viên Công ước CITES khi đáp ứng đủ những điều kiện sau:

a) Giấy phép và giấy chứng chỉ của các nước chưa là thành viên phải có tên, dấu và chữ ký của các cơ quan tương đương với Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES được Chính phủ nước đó chỉ định;

b) Định loại chính xác loài theo tiêu chí của Công ước;

c) Chứng nhận xuất xứ hoặc giấy giải thích việc không có chứng nhận xuất xứ do cơ quan tương đương với Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES được Chính phủ nước đó chỉ định;

d) Nếu xuất khẩu mẫu vật các loài thuộc Phụ lục I và II, cơ quan khoa học tương đương với Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES do Chính phủ nước đó chỉ định cấp giấy chứng nhận xác nhận việc khai thác những mẫu vật đó là hợp pháp và không ảnh hưởng xấu cho sự tồn tại của loài đó trong thiên nhiên;

đ) Nếu tái xuất từ nước không phải thành viên Công ước CITES, cơ quan tương đương với Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES được Chính phủ nước đó chỉ định chứng nhận việc nhập khẩu vào nước đó được thực hiện không trái với các quy định của Công ước;

e) Khi xuất khẩu mẫu vật sống từ các nước không phải thành viên Công ước CITES thì việc vận chuyển phải được chuẩn bị tốt để giảm thiểu tối đa những nguy hiểm hay thương tích đối với mẫu vật sống.

2. Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam công nhận cơ quan thẩm quyền tương đương nếu các cơ quan này đã thông báo với Ban thư ký CITES hoặc sau khi tham vấn với Ban Thư ký CITES.

3. Được phép nhập khẩu các loài động vật, thực vật được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES do gây nuôi sinh sản hoặc trồng cấy nhân tạo ở các nước không là thành viên sau khi tham vấn với Ban Thư ký CITES.

4. Được phép nhập khẩu các loài thuộc Phụ lục I của Công ước CITES vì mục đích bảo tồn hay bảo vệ loài đó sau khi tham vấn với Ban thư ký CITES.

Điều 21. Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam không cấp phép nhập khẩu các mẫu vật vào Việt Nam nếu xét thấy các mẫu vật nhập khẩu có tiềm ẩn các yếu tố gây bệnh hoặc phát triển có hại cho thiên nhiên Việt Nam hoặc gây ảnh hưởng xấu cho các hoạt động kinh tế của Việt Nam.

Điều 22. Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thực hiện việc thu hồi giấy phép, giấy chứng chỉ nếu:

1. Giấy phép được cấp dựa trên những thông tin sai lệch do tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp phép cung cấp.

2. Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam nhận được những thông tin mới về những hành vi vi phạm Công ước CITES hoặc những quy định khác liên quan tới nhập khẩu, xuất khẩu, tái xuất khẩu, hay nhập nội từ biển của tổ chức, cá nhân được cấp phép.

3. Tổ chức, cá nhân được cấp phép phải gửi trả giấy phép, giấy chứng chỉ chưa sử dụng cho Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày hết hạn ghi trên giấy phép hoặc giấy chứng chỉ.

Điều 23.

1. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép có trách nhiệm cung cấp, bổ sung đầy đủ các thông tin về lô hàng xin cấp phép khi Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam yêu cầu.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép phải chịu trách nhiệm trước pháp luật khi tự sang nhượng, tự sửa chữa, tẩy xóa hoặc thêm bớt các chi tiết ghi trong giấy phép.

3. Ngoài lệ phí cấp phép quy định tại khoản 2 Điều 19, trong trường hợp cần thiết, tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp phép còn phải trả chi phí giám định hoặc định loại mẫu vật.

4. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khi xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã còn phải thực hiện đúng các quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 24.

1. Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu cho các mẫu vật tiền Công ước, các mẫu vật là tài sản cá nhân khi tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp phép cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh tính hợp pháp của mẫu vật đó.

2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã vì mục đích khoa học, tặng, triển lãm và biểu diễn xiếc do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

Điều 25. Trong quá trình vận chuyển mẫu vật quá cảnh phải có đầy đủ giấy tờ hợp pháp kèm theo lô hàng. Nếu lô hàng là động vật sống phải tuân thủ các quy định tại khoản 3 Điều 18.

Chương IX

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 26. Cơ quan kiểm lâm, hải quan, công an, bộ đội biên phòng, thuế, quản lý thị trường, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch thủy sản, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật đối với các hành vi săn bắt, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép động vật, thực vật hoang dã.

Điều 27.

1. Việc lưu giữ động vật sống trong khi chờ quyết định xử lý phải đảm bảo an toàn cho người và chăm sóc chu đáo cho động vật.

2. Các mẫu vật bị tịch thu mà cơ quan kiểm dịch xác nhận là bị dịch bệnh hoặc có mầm mống gây dịch bệnh thì tiêu hủy. Việc tiêu hủy được tiến hành theo các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Xử lý mẫu vật bị tịch thu:

a) Mẫu vật bị tịch thu có nguồn gốc trong nước được xử lý theo Điều 27 của Nghị định số 77/CP ngày 29 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

b) Mẫu vật bị tịch thu có nguồn gốc nước ngoài được gửi trả lại nước xuất xứ. Mọi chi phí do cá

nhân hoặc tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu bất hợp pháp hoặc nước nhận lại mẫu vật chịu. Trường hợp nước có nguồn gốc xuất xứ không nhận thì việc xử lý được áp dụng như mẫu vật có nguồn gốc trong nước.

Điều 28. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định hiện hành của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 77/CP ngày 29 tháng 11 năm 1996 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

2. Cá nhân có hành vi vi phạm mà mức độ gây thiệt hại vượt quá mức độ tối đa thuộc phạm vi xử phạt vi phạm hành chính về khai thác, săn bắt, vận chuyển, mua bán trái phép thực vật, động vật hoang dã quý hiếm hoặc thông thương (có nguồn gốc từ tự nhiên), thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Bộ Luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về bảo vệ đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên thì bị xử phạt hành chính theo Nghị định số 26/CP ngày 26 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Bộ Luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về khai thác, vận chuyển, kinh doanh các loài động, thực vật thuộc danh mục do Bộ Thủy sản quản lý thì bị xử lý theo Pháp lệnh Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản ngày 25 tháng 4 năm 1989 và theo Nghị định số 48/CP ngày 12 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

5. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về

thủ tục hải quan thì bị xử lý hành chính theo Nghị định số 54/1998/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

6. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong lĩnh vực thương mại về xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển hàng hóa bị xử lý hành chính theo Nghị định số 01/CP ngày 03 tháng 1 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại.

7. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thì bị xử phạt hành chính theo Nghị định số 78/CP ngày 29 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 29.

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái với các quy định của Nghị định này, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan và người có thẩm quyền về hành vi trái với các quy định tại Nghị định này của bất cứ tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đối với lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và của tổ chức.

3. Việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thi hành Nghị định này, định kỳ báo cáo

Chính phủ và thông báo cho các ngành hữu quan việc thực hiện Công ước CITES.

Điều 31. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình tổ chức thực hiện Nghị định này.

Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ ./

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 15/QĐ-TTg ngày 07/1/2002 về việc chuyển Công ty Sản xuất kinh doanh dịch vụ và xuất nhập khẩu quận I (FIMEXCO) thành Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh dịch vụ và xuất nhập khẩu quận I.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;